

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 9 năm 2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Đinh Thu Thanh;

+ Ông Lê Thanh Sơn.

Thư ký phiên tòa: ông Phạm Việt Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: bà Trịnh Thị Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 về “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXX-ST ngày 14 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Bùi Như N, sinh năm 1995;

Nơi ĐKKHKT: thôn 3, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Chỗ ở hiện nay: số nhà 430, đường Q, tổ 11, phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: anh Phạm Xuân L, sinh năm 1991; địa chỉ: số nhà 430, đường Q, tổ 11, phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: chị Bùi Như N, anh Phạm Xuân L đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/5/2020, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Bùi Như N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ngày 10/10/2016 chị và anh Phạm Xuân L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bắc Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, không bị ai ép buộc, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chị sống hạnh phúc được 02 năm, đến tháng 9/2018 vợ chồng chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, còn đỉnh điểm phát sinh mâu thuẫn là tháng 3/2020. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Anh L không quan tâm chị, khi mâu thuẫn đến đỉnh điểm thì anh L mới hỏi, động viên chị.

Mâu thuẫn vợ chồng chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Chị đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn nhưng không cải thiện được tình cảm vợ chồng. Hiện nay chị không còn tình cảm với anh L nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Xuân L. Hiện nay chị không có thai.

Về con chung, con riêng:

Về con chung: chị và anh Phạm Xuân L có 01 con chung, cháu tên là Phạm Ngọc Gia A, sinh ngày 18/02/2017. Sau khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A. Về căn cứ chứng minh chị có khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc tốt cháu A như sau: chị có chỗ ở ổn định, căn cứ chứng minh là Hợp đồng thuê nhà ngày 24/6/2020; chị là người trực tiếp nộp tiền ăn học cho cháu A, căn cứ chứng minh là 05 Phiếu thu tiền và Đơn xin xác nhận đưa đón và đóng học phí ngày 24/6/2020; chị có công việc và thu nhập ổn định, đủ kinh tế để nuôi cháu A, căn cứ chứng minh là Sao kê chi tiết giao dịch thu nhập và Phụ lục hợp đồng lao động; chị chăm sóc con tốt và đưa đón con đi học, căn cứ chứng minh là chị làm việc theo giờ hành chính nên khi cháu A ở nhà thì chị có nhiều thời gian gần gũi con và chăm sóc con tốt hơn. Mặt khác, chị có chị gái của mình ở cùng nhà thuê sẽ hỗ trợ cùng chị chăm sóc cháu A tốt nhất; cháu A là cháu gái nên cần mẹ chăm sóc hơn là bố chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con: chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về con riêng: chị không có con riêng nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản khai, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là anh Phạm Xuân L đồng ý lời khai của nguyên đơn về đăng ký kết hôn. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng anh sống hạnh phúc được khoảng hơn 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Tháng 01/2020 vợ chồng anh bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị N không còn tình cảm với anh nữa nên sống lạnh nhạt với anh, không quan tâm gì đến anh. Bản thân anh muốn quan tâm, hỏi han chia sẻ, động viên vợ nhưng chị N lạnh nhạt, không muốn chia sẻ cùng anh mọi vấn đề trong cuộc sống. Mâu thuẫn của vợ chồng anh thì anh đã được hai bên gia đình hòa giải, nhắc nhở nhưng vẫn không cải thiện được tình cảm vợ chồng là

do từ phía chị N không hợp tác. Nay chị N không còn tình cảm với anh thì anh cũng nhất trí ly hôn chị N.

Về con chung, con riêng:

Về con chung: anh và chị N có 01 con chung, cháu tên là Phạm Ngọc Gia A, sinh ngày 18/02/2017. Hiện nay cháu A đang ở với vợ chồng anh. Sau khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A. Anh không đồng ý chị N nuôi dưỡng cháu A. Về cấp dưỡng nuôi con: anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Về căn cứ, lý do chứng minh anh có khả năng nuôi dưỡng cháu A tốt hơn chị N là: anh có chỗ ở ổn định, anh đang ở nhà của mẹ đẻ anh, căn cứ chứng minh là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên mẹ anh là bà Phạm Thị L và Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ là Phạm Xuân L; anh kinh doanh vật liệu nhôm, inox nên có nguồn thu nhập ổn định, thu nhập khoảng 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng/tháng, căn cứ chứng minh là Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh mang tên anh; anh có điều kiện chăm sóc con tốt và đưa đón con đi học, căn cứ chứng minh: anh làm kinh doanh tự do, lao động tại nhà nên có điều kiện nhiều về thời gian để gần gũi con và chăm sóc con; anh có bố mẹ đẻ ở gần, ở cùng với anh nên hỗ trợ cho anh chăm sóc cháu A tốt hơn. Chị N không có người thân ở gần.

Về con riêng: anh không có con riêng nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh không có yêu cầu phản tố gì.

*. Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

*. Tại phiên tòa, bị đơn đồng ý ly hôn chị N. Bị đơn đề nghị được nuôi con, không đồng ý chị N được nuôi cháu Phạm Ngọc Gia A.

*. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng; việc tuân theo pháp luật tố tụng của các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Quan điểm về việc giải quyết nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 57, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Như N. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Như N và anh Phạm Xuân L. Về nuôi con chung: giao cháu Phạm Ngọc Gia A, sinh ngày 18/02/2017 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con: chị N và anh L không đề nghị Tòa án giải quyết. Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Bùi Như N chịu 150.000 đồng án phí thuận tình ly hôn.

Tại Biên bản xác minh ngày 13/7/2020, Ủy ban nhân dân phường Bắc Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình cung cấp: về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh L thì địa phương không biết. Chị N và anh L có 01 con chung, địa phương không thấy anh L, chị N có hành vi bạo hành trẻ em. Về mức thu nhập bình quân của người lao động tự do trên địa bàn phường Bắc Sơn là 4.900.000 đồng/người/tháng.

Tại Biên bản xác minh ngày 15/7/2020, bà Phạm Thị L (mẹ đẻ anh Phạm Xuân L) trình bày: về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa cháu L và cháu N thì bà không biết. Bà có khuyên bảo anh L nên đoàn tụ gia đình nhưng vẫn không có kết quả gì. Anh L và chị N có 01 con chung, cháu A không bị bạo hành, đánh đập gì. Anh L và chị N đều thương yêu, chăm sóc con tốt.

Tại Biên bản xác minh ngày 15/7/2020, Trường mầm non Việt Thắng, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình cung cấp: cháu Phạm Ngọc Gia A hiện đang là học sinh lớp 2 tuổi B của trường. Kể từ khi cháu A học tại trường đến nay thì cháu A có sức khỏe tốt, hòa nhập với các bạn trong lớp. Mẹ cháu A là người làm thủ tục nhập học và đóng học phí hàng tháng cho cháu A từ khi cháu A nhập học đến nay. Chị N và anh L thay nhau đưa đón cháu A học tập tại trường.

Tại Công văn số 44/VHTT ngày 15/7/2020 của Phòng Văn hóa và Thông tin thành phố Tam Điệp cung cấp: trong cuộc sống do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm.

Tại Công văn số 06/LĐTBXH ngày 15/7/2020 của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Tam Điệp cung cấp: anh L và chị N có 01 con chung là cháu Phạm Ngọc Gia A, sinh ngày 18/2/2017. Hiện nay cháu A đang ở cùng bố mẹ. Tại địa phương không thấy gia đình có biểu hiện đánh đập hay ngược đãi các cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Chị Bùi Như N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Anh Phạm Xuân L có địa chỉ tại thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: chị Bùi Như N và anh Phạm Xuân L đăng ký kết hôn vào ngày 10/10/2016 tại Ủy ban nhân dân phường Bắc Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở tự nguyện đến với nhau, không vi phạm điều cấm của pháp luật là

hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống do hai bên đương sự bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt nên dẫn đến mâu thuẫn. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên họp hòa giải ngày 14/8/2020 và tại phiên tòa, chị N xin ly hôn, anh L cũng đồng ý ly hôn và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa chị N và anh L là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ vào quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Như N và anh Phạm Xuân L.

Về nuôi con chung, con riêng:

Về nuôi con chung:

Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất về việc chị Bùi Như N và anh Phạm Xuân L có 01 con chung, cháu tên là Phạm Ngọc Gia A, sinh ngày 18/02/2017.

Hội đồng xét xử xét về hoàn cảnh, điều kiện của các đương sự thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án cả hai bên đương sự không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử cần xem xét về điều kiện làm việc, thu nhập, nơi sinh sống và các yếu tố khác đảm bảo việc giao cho đương sự có điều kiện tốt nhất chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A sinh sống, học tập và phát triển bình thường.

Xét về các điều kiện của chị N và anh L, Hội đồng xét xử thấy chị N và anh L đều là những người có nghề nghiệp, có thu nhập, nơi ở rõ ràng và đều có nguyện vọng được nuôi cháu A.

Tuy nhiên, xét về điều kiện thực tế hiện nay cháu A là cháu gái, cháu A đang còn nhỏ (cháu A được 3 tuổi 6 tháng 23 ngày), rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Anh L và chị N đều xác nhận hiện nay cháu A thường xuyên ngủ với mẹ, cháu A được mẹ thường xuyên tắm giặt. Chị N trình bày chị thuê nhà gần nơi anh L ở và gần trường mầm non cháu A đang học nên vẫn đảm bảo được cháu A được gần bố, gần trường học. Mặt khác, ngoài làm việc tại Công ty theo giờ hành chính, chị N có điều kiện về thời gian để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A. Do đó việc học tập, sinh hoạt của cháu A được ổn định là rất cần thiết cho sự phát triển về mọi mặt của cháu A.

Theo khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con...”.

Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu A; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng cháu A của chị N, giao cháu A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi cháu A: chị N và anh L không đề nghị Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng.

Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con riêng: chị N và anh L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: chị N và anh L không đề nghị Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo:

Về án phí dân sự sơ thẩm: trước khi mở phiên tòa, Tòa án tiến hành hòa giải, chị N và anh L thuận tình ly hôn và đều đề nghị Tòa án giải quyết án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa, chị N tự nguyện nộp toàn bộ án phí thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật, anh L cũng nhất trí việc chị N nộp toàn bộ án phí thuận tình ly hôn. Do đó, chị N chịu 150.000 đồng án phí thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Điều 51, Điều 57, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình.
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Như N về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Phạm Xuân L.

1. Về hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Như N và anh Phạm Xuân L.

2. Về nuôi con chung:

Giao cháu Phạm Ngọc Gia A, sinh ngày 18/02/2017 cho chị Bùi Như N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Bùi Như N và anh Phạm Xuân L không đề nghị Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng.

Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Bùi Như N chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí thuận tình ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0001575 ngày 26/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình; chị Bùi Như N được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP. Tam Điệp;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Tam Điệp;
- UBND phường B;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phượng